

## BÁO CÁO

### Kết quả công tác thống kê đất đai năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai.

#### I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

##### 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;
- Thực hiện Văn bản 2551/TCQLĐĐ ngày 05/11/2021 của Tổng cục Quản lý đất đai; Công văn số 3238/STNMT-ĐDDK &KTĐ ngày 08/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam về việc thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2021.

##### 2. Mục đích

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, làm căn cứ để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.
- Xây dựng tài liệu điều tra cơ bản về tài nguyên đất phục vụ cho việc xác định nhu cầu sử dụng đất đáp ứng cho việc thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, an ninh trên địa phương, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.
- Đề xuất việc điều chỉnh chính sách, pháp luật về đất đai.
- Cung cấp số liệu về đất đai trong niên giám thống kê phục vụ nhu cầu sử dụng dữ liệu về đất đai cho quản lý Nhà nước, hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và các nhu cầu khác của cộng đồng.

### **3. Yêu cầu**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai và hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2022.

Công tác thống kê đất đai năm 2022 tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Nội dung thống kê phải đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực hiện trạng sử dụng đất.

## **II. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN**

### **1. Vị trí địa lý**

Tỉnh Nam Định nằm ở phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng, ở tọa độ 19°54' đến 20°40' vĩ độ Bắc và từ 105°55' đến 106°45' kinh độ Đông, phía Bắc giáp với tỉnh Thái Bình, phía Tây giáp tỉnh Ninh Bình, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông giáp biển Đông (Vịnh Bắc Bộ).

Diện tích tự nhiên là 166.882,58 ha, có 10 đơn vị hành chính cấp huyện: gồm 09 huyện và 01 thành phố Nam Định, với 226 đơn vị hành chính cấp xã (188 xã; 16 thị trấn; 22 phường) và ngoài ra còn hai khu vực bãi bồi ven biển thuộc huyện Giao Thủy và huyện Nghĩa Hưng với diện tích 12.125,17 ha (huyện Nghĩa Hưng 5.287,39 ha, huyện Giao Thủy 6.837,78 ha) đã bước đầu khai thác để nuôi trồng thủy sản nhưng chưa ổn định, hiện chưa xác định vào địa giới hành chính cấp xã, UBND tỉnh có Quyết định tạm giao quyền quản lý hành chính cho 17 xã thuộc 02 huyện là Giao Thủy và Nghĩa Hưng.

Nam Định là tỉnh duyên hải với 72 km bờ biển có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi và đánh bắt hải sản. Hệ thống sông gồm 4 sông lớn cấp quốc gia: Sông Hồng, sông Đào, sông Đáy, sông Ninh Cơ chảy qua 251 km và 279 km hệ thống sông địa phương tạo thành một hệ thống giao thông thủy, phân bố đều, thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa.

Nam Định có tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua và các tuyến đường giao thông huyết mạch của các tỉnh miền duyên hải đồng bằng Bắc Bộ đã được đầu tư nâng cấp đồng bộ kết nối với hệ thống giao thông Quốc gia như đường cao tốc Hà Nội - Ninh Bình qua Nam Định; Đường Nam Định - Phủ Lý; Quốc lộ 21; Quốc lộ 10; Quốc lộ 38B; Quốc lộ 37B, Quốc lộ 21B kéo dài, tuyến đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Hà Nội - Ninh Bình; tuyến đường ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định chạy qua địa phận 3 huyện Nghĩa Hưng, huyện Hải Hậu, huyện Giao Thủy đang trong quá trình GPMB và xây dựng hạ tầng... Ngoài ra còn có nhiều tuyến giao thông quan trọng của tỉnh như tỉnh lộ 489, 490..., Trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội đã hình thành các cụm, khu công nghiệp, các trung tâm dịch vụ thương mại và các khu dân cư bám theo các Quốc lộ, Tỉnh lộ.

Với vị trí địa lý khá thuận lợi đó là điều kiện quan trọng để Nam Định phát triển kinh tế năng động, đa dạng và hoà nhập cùng với các tỉnh bạn.

## **2. Địa hình**

Tỉnh Nam Định có địa hình tương đối bằng phẳng, có 2 vùng chính là vùng đồng bằng thấp trũng và vùng đồng bằng ven biển, ở phía Tây Bắc tỉnh có một số ít đồi núi thấp. Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, chỗ cao nhất từ đỉnh núi Gôi cao 122 m, chỗ thấp nhất -03 m (so với mặt biển) ở vùng đồng bằng trũng huyện Ý Yên.

Vùng ven biển có bờ biển dài, địa hình khá bằng phẳng. Nam Định có 3 sông lớn là sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ. Ngoài ra có sông Đào nối liền sông Hồng và sông Đáy cùng với nhiều sông nhỏ khác giúp cho giao thông đường thủy thuận lợi và bồi đắp phù sa, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

## **3. Về kinh tế - xã hội**

Trước tình hình dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, nhất là đại dịch Covid-19 bùng phát mạnh trong những tháng đầu năm. Các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội được Bộ, ngành và địa phương triển khai tích cực. Dịch Covid-19 được kiểm soát. Kinh tế vĩ mô tiếp tục duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các cân đối lớn được đảm bảo; chính sách tiền tệ, tài khóa điều hành chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Môi trường đầu tư kinh doanh cải thiện tích cực, an sinh xã hội được đảm bảo, góp phần phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp. Với quyết tâm phục hồi và phát triển nhanh kinh tế, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp tiếp tục kiểm soát hiệu quả dịch bệnh COVID-19; kịp thời triển khai các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân để phát triển sản xuất, kinh doanh; đồng thời thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội gắn với bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội. Kết quả đạt được các ngành, lĩnh vực năm 2022 như sau:

3.1. Tình hình kinh tế: Kinh tế tỉnh Nam Định năm 2022 tăng trưởng 9,07% so với năm 2021, đây là mức tăng cao nhất từ trước đến nay. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2022 theo giá so sánh 2010 ước đạt 53.180 tỷ đồng, tăng 9,07% so với năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,90%, đóng góp 0,79 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 13,11%, đóng góp 5,30 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,47%, đóng góp 2,69 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,00%, đóng góp 0,29 điểm phần trăm.

- Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: Năng suất các loại cây trồng đạt khá; ngành chăn nuôi dần phục hồi, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đều tăng so với năm trước; nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định. Giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp tăng 3,31% so với năm 2021, đóng góp 0,48 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; ngành thủy sản tăng 5,41%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm.

- Khu vực công nghiệp và xây dựng: Ngành công nghiệp tiếp tục giữ vai trò động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Nam Định với mức tăng 14,62% so với năm trước, đóng góp 4,31 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng nền kinh tế với mức tăng 14,95%, đóng góp 4,27 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 5,35%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 4,65%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; khai khoáng giảm 3,01%, làm giảm 0,01 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 9,06% so với năm 2021, đóng góp 0,99 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

- Khu vực dịch vụ: Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh khởi sắc và phục hồi nhanh ở tất cả các ngành. Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào giá trị tăng thêm như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 9,17% so với năm 2021, đóng góp 0,66 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,07%, đóng góp 0,30 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi tăng 10,54%, đóng góp 0,37 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 13,48%, đóng góp 0,18 điểm phần trăm.

- Quy mô, cơ cấu kinh tế: Quy mô GRDP tỉnh Nam Định năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 91.966 tỷ đồng, tăng 9.125 tỷ đồng, tương đương tăng 11,01% so với năm 2021. Về cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 19,39%; khu vực công nghiệp và xây dựng 42,65%; khu vực dịch vụ 34,78%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,18% (Cơ cấu tương ứng năm 2021 là: 20,80%; 41,86%; 34,26%; 3,08%).

- Tỉnh có thành phố Nam Định (đô thị loại I) là trung tâm chính trị, văn hoá, kinh tế của tỉnh. Tỉnh Nam Định nằm ở trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng, có tiềm năng, lợi thế rất lớn chưa được khai thác hết cho đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là: Lợi thế về nguồn nhân lực trẻ, dồi dào, được đào tạo cơ bản, có chất lượng cao.

### 3.2. Lĩnh vực văn hoá - xã hội:

a) Y tế: Triển khai kịp thời, có hiệu quả Chiến dịch tiêm chủng vắc xin mùa Xuân năm 2022; toàn tỉnh cơ bản hoàn thành tiêm mũi 3 cho người dân từ 18 tuổi trở lên và mũi 2 cho trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi đủ điều kiện tiêm. Tiếp tục tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi đảm bảo an toàn, khoa học theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế. Đến ngày 18/12/2022, toàn tỉnh triển khai 384.117 mũi

vắc xin cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi. Tăng cường công tác phòng, chống bệnh đậu mùa khi, bệnh sốt xuất huyết, cúm A, bệnh tay chân miệng cho trẻ em,... không để xảy ra dịch bệnh lớn trên địa bàn. Triển khai hiệu quả các hoạt động vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân phòng chống dịch bệnh.

b) Giáo dục : Ngành Giáo dục và Đào tạo Nam Định đạt được nhiều thành tích cả về giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn; hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2021-2022 tại các cấp học, ngành học và triển khai nhiệm vụ năm học 2022-2023. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, đáp ứng lộ trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

c) Hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao:

- Văn hoá thông tin.

+ Tổ chức tốt các hoạt động văn hoá, thể thao, chương trình nghệ thuật chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm lớn của dân tộc tạo không khí vui tươi, phấn khởi cho nhân dân. Tổ chức thành công các sự kiện văn hóa như: Đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Chương trình hành động quốc gia bảo vệ và phát huy di sản “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt” và giao lưu hát Văn, hát Châu văn các tỉnh đồng bằng sông Hồng mở rộng tại Nam Định.

+ Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 (SEA Games 31) tổ chức rất thành công tại Nam Định với việc đăng cai tổ chức các trận thi đấu môn bóng đá nam bảng B và 1 trận bán kết trên sân vận động Thiên Trường. Ban Tổ chức thực hiện tốt công tác quảng bá các địa điểm du lịch, đặc sản địa phương, nét đẹp truyền thống của quê hương Nam Định trong thời gian diễn ra SEA Games 31; đồng thời thể hiện tinh thần trách nhiệm, lòng mến khách, thân thiện của người dân Nam Định với bạn bè trong nước và quốc tế, truyền đi những thông điệp tích cực làm nên thành công chung của Đại hội.

+ Từ ngày 10 - 12/12/2022, tại TP. Nam Định, báo Tuổi Trẻ cùng phối hợp với Hiệp hội Văn hóa ẩm thực Việt Nam, UBND tỉnh Nam Định tổ chức chuỗi sự kiện Ngày của Phở 12/12 năm 2022 với chủ đề "Phở Việt - Tinh hoa hội tụ".

- Thể dục thể thao:

+ Để chuẩn bị tốt cho công tác tham gia thi đấu tại các giải quốc gia và quốc tế diễn ra trong năm 2022, ngay từ đầu năm ngành Thể thao tỉnh Nam Định tập trung xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch, tập trung lực lượng huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển Bóng đá, Điền kinh, Vovinam, Võ cổ truyền, Kick-Boxing, Vật, Lặn, Jujitsu...mục tiêu hướng đến các kết quả cao tại các giải đấu.

+ Tổ chức thành công môn Bóng đá nam trong chương trình SEA Games 31 tại Nam Định. Trung bình mỗi trận đấu có 25-30 nghìn khán giả vào sân cổ vũ hết mình cho các đội tuyển thi đấu, tạo nên bầu không khí sôi động, náo nhiệt của ngày hội

bóng đá lớn nhất khu vực, thể hiện lòng mến khách, thân thiện, sự cố vũ nhiệt tình của người dân Thành Nam dành cho đội bóng các nước bạn.

+ Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX-2022 diễn ra từ ngày 09 đến ngày 21/12/2022 tại 10 tỉnh, thành phố.

d) Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Trong thời gian qua có nhiều chương trình tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho các tổ chức và nhân dân góp phần bảo vệ môi trường và nguồn nước sinh sống. Tuyên truyền vận động nhân dân không đốt vàng mã và xả rác trên vỉa hè, đường phố, các khu vực công cộng gây ô nhiễm môi trường.

đ) Khái quát lại: Kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định năm 2022 phục hồi tích cực và đạt những kết quả quan trọng, khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực: Sản xuất công nghiệp tiếp tục giữ vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; hoạt động thương mại, dịch vụ khởi sắc, cung cầu hàng hóa được bảo đảm; năng suất các loại cây trồng đạt khá, dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát, chăn nuôi gia cầm phát triển, sản lượng thủy sản tăng khá. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội phát triển. Đời sống nhân dân ổn định, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

### **III. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **1. Công tác chỉ đạo thực hiện của UBND các cấp**

Thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Văn bản 2670/TCQLĐĐ-CKSQLSĐĐ ngày 21/10/2022 của Tổng cục Quản lý đất đai, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai và hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2022.

Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Văn bản 3510/STNMT-ĐĐĐK&KTĐ ngày 28/10/2022 gửi UBND các huyện, thành phố về việc thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2022; Văn bản số 284/STNMT-ĐĐĐK&KTĐ ngày 31/01/2022 về việc đôn đốc tiến độ thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2022; Thông báo số 296/TB-STNMT ngày 01/02/2022 về lịch kiểm tra đôn đốc công tác thống kê đất đai năm 2022; Văn bản 544/STNMT-ĐĐĐK&KTĐ ngày 21/02/2022 về việc báo cáo tiến độ thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2022.

UBND các huyện, thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn triển khai và thực hiện thống kê đất đai định kỳ theo đúng quy định; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2022 cấp tỉnh:

#### **2. Công tác chuẩn bị**

a) Đối với cấp xã, phường, thị trấn

- Phổ biến, tuyên truyền công tác thống kê đất đai;

- Chuẩn bị nhân lực, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật;
- Thu thập, tiếp nhận tài liệu có liên quan để phục vụ công tác thống kê đất đai, bao gồm:

- Thu thập, tiếp nhận tài liệu có liên quan để phục vụ công tác thống kê đất đai.
- Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai về UBND huyện, tỉnh.

b) Đối với cấp huyện, tỉnh

- Ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện thống kê đất đai định kỳ.
- Thu thập, lựa chọn các tài liệu, số liệu có liên quan phục vụ cho công tác thống kê đất đai.

- Chuẩn bị biểu mẫu phục vụ thống kê.

- Trên cơ sở tài liệu và kết quả thực hiện công tác thống kê đất đai cấp xã, phường, thị trấn, được tổng hợp số liệu sử dụng phần mềm TK Desktop và thực hiện tích hợp vào phần mềm Tk Online (<http://tkonline.gdla.gov.vn>) do cấp xã, thị trấn gửi lên cấp huyện và tỉnh, đối chiếu với tài liệu đã điều tra, lưu trữ để kiểm tra, nghiệm thu và tổng hợp số liệu cấp mình theo các tiêu chí, biểu mẫu quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT. Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai.

- Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai năm 2022 cấp huyện.

### **3. Phương pháp điều tra, thu thập số liệu thống kê đất đai**

a) Nguồn tài liệu.

Nguồn tài liệu về bản đồ để phục vụ công tác thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định gồm các loại bản đồ sau:

- Tài liệu bản đồ: Bản đồ địa chính; Hồ sơ địa giới hành chính theo Chỉ thị 364/CT-TTg và triển khai thực hiện dự án theo Quyết định 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Chính phủ về việc hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính; Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Bản đồ khoanh vẽ kiểm kê 2019, thống kê các năm 2020, năm 2021;

- Hồ sơ địa chính: Sổ mục kê, sổ địa chính, sổ cấp giấy chứng nhận, sổ theo dõi biến động, sổ đăng ký ruộng đất; Bản đồ địa chính đo đạc mới nhất, bản đồ đo đạc sau dồn điền đổi thửa hoặc bản đồ địa chính đã được chỉnh lý;

- Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Kết quả thống kê đất đai năm 2020; Bảng tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ thống kê do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố cung cấp;

- Hồ sơ dồn điền đổi thửa và chuyển cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp;

- Các quyết định đấu giá giao đất cho nhân dân làm nhà ở từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 của các xã, thị trấn;

- Hồ sơ, số liệu, tài liệu về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã thực hiện; hồ sơ thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng đất đai; các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai trên địa bàn huyện năm 2022;

- Các mảnh trích đo địa chính, bản đồ phục vụ công tác thu hồi và giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất kèm theo các quyết định phê duyệt;

- Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất, hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022;

- Kết quả cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính;

- Các Quyết định, văn bản và tài liệu liên quan tới quá trình sử dụng đất tại địa phương.

b) Đánh giá mức độ chính xác của tài liệu

Công tác thống kê đất đai được thực hiện dựa trên cơ sở số liệu và tài liệu sử dụng đã được các cơ quan nhà nước kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt nên số liệu tương đối đầy đủ, chi tiết và có tính pháp lý cao đảm bảo độ tin cậy làm cơ sở cho việc thực hiện thống kê đất đai năm 2022.

#### **4. Tổ chức thực hiện thống kê đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định**

a) Cấp xã, thị trấn

Rà soát thực tế các trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã đăng ký biến động đất đai trên cơ sở điều tra khoanh vẽ, chỉnh lý bản đồ khoanh đất đối với các trường hợp biến động về loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất trong năm 2021 theo quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT.

Số liệu thống kê đất đai năm 2021 của cấp xã, thị trấn được tổng hợp từ bản đồ thống kê đất đai đã được cập nhật chỉnh lý biến động năm 2021, bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai và bảng tổng hợp các trường hợp biến động đất đai trong năm đã được rà soát thực tế, xác nhận. Sử dụng phần mềm TK Desktop của Bộ Tài nguyên và Môi Trường để tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp xã gồm:

- Biểu số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp xã, lập các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ;

- Biểu phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của địa phương, lập các Biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ và 14/TKĐĐ;

- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai.

Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp xã về cấp huyện.



### b) Cấp huyện

Tiếp nhận, kiểm tra thẩm định kết quả thống kê đất đai của cấp xã giao nộp: Kiểm tra thẩm định kết quả thống kê đất đai cấp xã. Chỉ đạo cấp xã chỉnh sửa, hoàn thiện số liệu, báo cáo kết quả thống kê đất đai, tiếp nhận hồ sơ thống kê đất đai của cấp xã giao nộp.

Tổng hợp số liệu thống kê diện tích đất đai: Tiếp nhận số liệu thống kê đất đai cấp xã, thị trấn, được tổng hợp số liệu sử dụng phần mềm TK Desktop và thực hiện tích hợp vào phần mềm Tk Online (<http://tkonline.gdla.gov.vn>) do cấp xã, thị trấn gửi lên cấp huyện, Phòng tài nguyên và Môi trường đối chiếu với tài liệu lưu trữ tại cấp mình để kiểm tra và tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp huyện, bao gồm:

- Tổng hợp số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh gồm các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 04/TKĐĐ và 11/TKĐĐ;
- Phân tích số liệu thống kê, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của địa phương, lập các Biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ, 14/TKĐĐ và 15/TKĐĐ;
- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp huyện;

Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai của địa phương lên cơ quan cấp trên trực tiếp theo quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT.

### c) Cấp tỉnh:

Tiếp nhận, kiểm tra thẩm định kết quả thống kê đất đai của cấp huyện giao nộp: Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra thẩm định kết quả thống kê đất đai cấp huyện. Trường hợp có sai sót, đề nghị UBND huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND các xã, phường, thị trấn chỉnh sửa, hoàn thiện số liệu, báo cáo kết quả thống kê đất đai của cấp mình. Tiếp nhận hồ sơ thống kê đất đai của cấp huyện giao nộp.

Tổng hợp số liệu thống kê diện tích đất đai: Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận số liệu thống kê đất đai cấp huyện đã được tổng hợp từ số liệu thống kê đất đai cấp xã gửi lên phần mềm Tk Online (<http://tkonline.gdla.gov.vn>); Văn phòng Đăng ký đất đai đối chiếu với tài liệu lưu trữ tại cấp mình để kiểm tra và tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp tỉnh, bao gồm:

- Tổng hợp số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh gồm các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 04/TKĐĐ và 11/TKĐĐ;
- Phân tích số liệu thống kê, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai cấp tỉnh, lập các Biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ, 14/TKĐĐ và 15/TKĐĐ;
- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp tỉnh;

Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp tỉnh lên cơ quan cấp trên trực tiếp theo quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT.

d) Phương pháp tổng hợp số liệu

Việc tổng hợp số liệu các cấp được tổng hợp bằng phần mềm TK Desktop và TK Online (<http://tkonline.gdla.gov.vn>) đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**5. Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện**

a) Thuận lợi.

- Công tác thống kê đất đai là nhiệm vụ quan trọng của ngành tài nguyên môi trường, liên quan rất nhiều lĩnh vực trong công tác quản lý Nhà nước. Vì vậy, các cấp Ủy, Đảng, chính quyền từ cấp huyện đến cấp xã luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao đối với việc thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2021.

- Sự phối hợp chỉ đạo giữa các Ban, các Ngành tương đối chặt chẽ, đồng bộ.

- Tài liệu, số liệu phục vụ cho công tác thống kê đất đai được thu thập, tổng hợp cơ bản đầy đủ theo quy định.

- Sự hỗ trợ của phần mềm TK Desktop, TK Online giúp cho tổng hợp số liệu thống kê đất đai dễ dàng và nhanh chóng.

b) Khó khăn

- Còn 68 xã, thị trấn còn sử dụng bản đồ đo đạc thủ công từ trước năm 1980 chỉnh lý năm 1981-1983 và đo đạc năm 1983 chỉnh lý năm 1987 trong quá trình sử dụng hệ thống bản đồ đã qua nhiều lần chỉnh lý; in lại bằng phương pháp in lam, in Ozalit có sai số lớn; những biến động do dồn điền đổi thửa, qua các lần kiểm kê đất đai lại không biên tập lại bản đồ hiện trạng nên chất lượng bản đồ không đảm bảo, bản đồ photo mờ, nhiều nét chỉnh lý chùng chéo, không rõ. Do vậy trong quá trình thực hiện công tác điều tra khoanh vẽ, thống kê tính toán diện tích gặp nhiều khó khăn; hồ sơ địa chính chưa được cập nhật biến động thường xuyên, đầy đủ; một số khu vực biến động lớn, nhanh chóng dẫn đến tình trạng lạc hậu hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính.

- Phần mềm TK Desktop, TK Online vẫn chưa thực sự hoàn thiện và đáp ứng đầy đủ cho công tác tổng hợp số liệu thống kê đất đai. Trong quá trình thực hiện thống kê đất đai cấp xã sau khi tổng hợp trên phần mềm TK Desktop và gửi lên tích hợp vào phần mềm TK Online thì báo lỗi và lỗi đăng nhập vào tài khoản tại địa chỉ web: <http://tkonline.gdla.gov.vn>, do đó không thể tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp huyện và cấp tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định ban hành Văn bản số 455/STNMT-ĐDDK&KTĐ ngày 16/02/2023 gửi Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin đất đai về vướng mắc phần mềm thống kê đất đai năm 2022; Văn bản 544/STNMT-ĐDDK&KTĐ ngày 21/02/2022 gửi UBND tỉnh báo cáo tiến độ thực

hiện công tác thống kê đất đai năm 2022. Tuy nhiên việc cập nhật, sửa lỗi phần mềm TK Desktop, TK Online còn chậm, chưa kịp thời dẫn đến ảnh hưởng tiến độ thực hiện thống kê đất đai.

#### **IV. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2021**

##### **1. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất.**

###### **1.1. Phân tích hiện trạng sử dụng đất.**

Tính đến ngày 31/12/2022 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 166.882,58 ha. Cụ thể như sau:

1.1.1. Nhóm đất nông nghiệp: (Chi tiết như Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 02/TKĐĐ và Biểu 13/TKĐĐ).

Diện tích đất nông nghiệp: 110.627,57 ha, chiếm 66,29% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

a) Đất sản xuất nông nghiệp 89.078,88 ha, chiếm 53,38% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất trồng cây hàng năm 80.653,20 ha, chiếm 48,33%.

+ Đất trồng lúa 73.841,60 ha, chiếm 44,25%.

+ Đất trồng cây hàng năm khác 6.811,60 ha, chiếm 4,08%.

- Đất trồng cây lâu năm 8.425,68 ha, chiếm 5,05%.

b) Đất lâm nghiệp 3.058,52 ha, chiếm 1,83% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất rừng phòng hộ 1.977,64 ha, chiếm 1,18%.

- Đất rừng đặc dụng 1.080,88 ha, chiếm 0,65%.

c) Đất nuôi trồng thủy sản 16.913,89 ha, chiếm 10,14% tổng diện tích đất tự nhiên.

d) Đất làm muối 651,23 ha, chiếm 0,39% tổng diện tích đất tự nhiên.

đ) Đất nông nghiệp khác 925,05 ha, chiếm 0,55% tổng diện tích đất tự nhiên.

1.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp: (Chi tiết như Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 03/KĐĐ và Biểu 13/TKĐĐ).

Diện tích đất phi nông nghiệp: 52.495,99 ha, chiếm 31,46% tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

a) Đất ở 11.600,90 ha, chiếm 6,95% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất ở tại nông thôn 9.946,29 ha, chiếm 5,96%

- Đất ở tại đô thị 1.654,61 ha, chiếm 0,99%..

b) Đất chuyên dùng 31.480,40 ha, chiếm 18,87% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 204,00 ha, chiếm 0,12%.

- Đất quốc phòng: 148,33 ha, chiếm 0,09%.

- Đất an ninh: 47,52 ha, chiếm 0,03%.

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1.001,32 ha, chiếm 0,60% tổng diện tích đất tự nhiên, từng loại như sau:

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3.853,09 ha, chiếm 2,31% tổng diện tích đất tự nhiên.

- Đất có mục đích công cộng 26.226,14 ha, chiếm 15,72% tổng diện tích đất tự nhiên.

c) Đất cơ sở tôn giáo: 668,73 ha, chiếm 0,40% tổng diện tích đất tự nhiên.

d) Đất cơ sở tín ngưỡng: 282,31 ha, chiếm 0,17% tổng diện tích đất tự nhiên.

đ) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 2.028,50 ha, chiếm 1,22% tổng diện tích đất tự nhiên.

e) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 5.348,14 ha, chiếm 3,20% tổng diện tích đất tự nhiên.

g) Đất có mặt nước chuyên dùng: 982,07 ha, chiếm 0,59% tổng diện tích đất tự nhiên.

h) Đất phi nông nghiệp khác: 104,94 ha, chiếm 0,06% tổng diện tích đất tự nhiên.

1.1.3. Nhóm đất chưa sử dụng: (Chi tiết như Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 13/TKĐĐ.

Diện tích đất chưa sử dụng: 3.759,02 ha, chiếm 2,25% tổng diện tích đất tự nhiên.

a) Đất bằng chưa sử dụng: 3709,52 ha, chiếm 2,21%.

b) Đất đồi núi chưa sử dụng: 43,86 ha, chiếm 0,03%.

c) Núi đá không có rừng cây: 5,64 ha, chiếm 0,01%.

1.1.4. Nhóm đất có mặt nước ven biển (quan sát): (Chi tiết như Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 13/TKĐĐ)

Diện tích đất có mặt nước ven biển: 3.642,83 ha.

Đất mặt nước ven biển có mục đích khác: 3.642,83 ha.

1.2. Đối tượng được giao để sử dụng và đối tượng được giao đất quản lý

1.2.1. Nhóm đối tượng được giao đất để sử dụng

Diện tích đất thống kê theo nhóm đối tượng được giao đất để sử dụng: 128.451,24 ha, chiếm 76,97% so với tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- Hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng: 104.157,31 ha, chiếm 62,41% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất nông nghiệp: 92.503,86 ha, đất phi nông nghiệp: 11.653,45 ha).

- Tổ chức kinh tế sử dụng: 5.333,13 ha, chiếm 3,20% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất nông nghiệp: 12.94,91 ha, đất phi nông nghiệp: 4.038,22 ha).

- Cơ quan đơn vị của nhà nước sử dụng: 16.505,24 ha, chiếm 9,89% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất nông nghiệp: 13.594,37 ha, đất phi nông nghiệp: 2.910,87 ha).

- Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng: 1.004,98 ha, chiếm 0,60% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất nông nghiệp: 16,74 ha, đất phi nông nghiệp: 988,24 ha).

- Tổ chức khác sử dụng: 2,65 ha, chiếm 0,00% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất phi nông nghiệp: 2,65 ha).

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng: 115,47 ha, chiếm 0,07% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất nông nghiệp: 3,90 ha, đất phi nông nghiệp: 111,57 ha).

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng: 1.332,46 ha, chiếm 0,80% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất nông nghiệp: 155,27 ha, đất phi nông nghiệp: 1.177,19 ha).

### 1.2.2. Nhóm đối tượng được giao quản lý

Diện tích đất thống kê theo nhóm đối tượng được giao để quản lý: 38.431,34 ha, chiếm 23,03% so với tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- UBND cấp xã quản lý: 24.068,22 ha, chiếm 14,42% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất phi nông nghiệp: 20.506,83 ha, đất chưa sử dụng: 3.561,39 ha).

- Tổ chức phát triển quỹ đất: 11,00 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất phi nông nghiệp: 9,18 ha, đất chưa sử dụng: 1,82 ha).

- Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 14.352,12 ha, chiếm 8,60% tổng diện tích đất tự nhiên (trong đó đất nông nghiệp: 3.058,52 ha, đất phi nông nghiệp: 11.097,79 ha, đất chưa sử dụng: 195,81 ha).

### 1.3. Đánh giá chung hiện trạng sử dụng đất.

a) Đất nông nghiệp: Việc sử dụng đất nông nghiệp khá ổn định và ngày càng cho hiệu quả kinh tế cao, tỷ trọng đất nông nghiệp 66,29% chiếm phần lớn trong tổng diện tích tự nhiên.

- Trong cơ cấu đất nông nghiệp thì diện tích đất trồng lúa nước chiếm tỷ lệ cao. Song quá trình canh tác phần lớn người nông dân chưa áp dụng những biện pháp cải tạo đất mà chỉ quan tâm đến lợi nhuận, việc hình thành các mô hình phát triển vùng chuyên canh, các cánh đồng mẫu lớn... chưa thực sự phát triển mạnh.

- Đối với diện tích đất lâm nghiệp theo số liệu thống kê đất đai năm 2022 là 3.058,52 ha (bao gồm diện tích đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng) so với diện tích đất có rừng theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 21/2/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt số liệu hiện trạng đất rừng tỉnh Nam Định năm 2022 (bao gồm diện tích rừng trồng thành rừng và diện tích trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng) là 3.045,47 ha (Chênh lệch 13,05 ha). Nguyên nhân chênh lệch diện tích do có sự khác nhau về tiêu chí xác định loại đất rừng của ngành Nông nghiệp và loại đất lâm nghiệp theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, cụ thể:

+ Việc thống kê đất đai theo mục đích sử dụng đất, các biến động được cập nhật, chỉnh lý khi có các căn cứ pháp lý;

+ Việc tổng hợp diện tích đất rừng do ngành Nông nghiệp thực hiện trên cơ sở tổng hợp diện tích đất theo nếu hiện trạng đã được trồng thành rừng thì ghi nhận là đất rừng, đất lâm nghiệp mà chưa trồng thành rừng thì ghi nhận là đất trống không có rừng và bổ sung các vị trí trồng rừng mới.

b) Đất phi nông nghiệp: Chiếm 31,46% cũng đã dần đáp ứng được nhu cầu sử dụng về cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Trong thời gian tới cùng với sự gia tăng dân số, việc phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần được nâng cấp, cải tạo, kiên cố hóa một số hạng mục công trình.

c) Đất chưa sử dụng: Chiếm 2,25% chủ yếu là đất núi đá không có rừng cây, đồi núi không thể cải tạo, đất bãi bồi ven biển, đất bãi dọc theo ven sông không thể đưa vào canh tác và đất đã thực hiện thu hồi GPMB đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh để phát triển kinh tế xã hội nhưng chưa có quyết định giao để thực hiện dự án.

## **2. Đánh giá tình hình biến động đất đai và nguyên nhân biến động (Chi tiết như Biểu 12/TKĐĐ và Biểu 14/TKĐĐ).**

2.1. Biến động đất đai so với kỳ thống kê đất đai năm 2021.

2.1.1. Biến động diện tích tự nhiên.

Tính đến ngày 31/12/2022 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 166.882,58 ha. Không biến động so với thống kê năm 2021. Cụ thể như sau:

2.1.2. Biến động diện tích theo loại đất.

2.1.2.1. Biến động về đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp đến ngày 31/12/2022 là 110.627,57 ha giảm 566,51 ha so với thống kê năm 2021. Cụ thể:

a) Đất trồng lúa: Đến ngày 31/12/2022 là 73.841,60 ha giảm so với thống kê năm 2021 là 163,90 ha. Cụ thể:

- Biến động giảm 164,07 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,01 ha.(Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất để xử lý phương án theo hướng dẫn 1456);

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 3,60 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,22 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất an ninh 0,44 ha (Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất xây dựng trụ sở làm việc của công an huyện Nam Trực tại thị trấn Nam Giang);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,03 ha.(Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất để mở rộng trường tiểu học thị trấn Lâm, trường mầm non xã Yên Phong; mở rộng nâng cấp sân khu giáo dục thể chất và hạng mục phụ trợ trường THCS xã Nam Tiến, huyện Nam Trực);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 46,96 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng (đợt 2), cụm CN Đồng Côi (đợt 1), mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh (đợt 1)...);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 26,96 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định; tuyến đường kết nối từ QL38B đến đường trục xã Yên Dương; xây dựng cầu Bến Mới; xây dựng cầu Đông Cao, cải tạo nâng cấp các công trình thiết, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh ...; là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 84,80 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B, mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân ... và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án);

+ Giảm khác 0,05 ha (Do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT, thể hiện đúng với biến động hợp pháp trong kỳ thống kê 2022 và hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê các năm 2020, 2021 tại xã Xuân Hồng và xã Xuân Ninh, nhìn nhận ra trong quá trình thực hiện chỉnh lý biến chuyển mục đích sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở trong năm thống kê đất đai 2022).

- Biến động tăng 0,17 ha. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Tăng khác 0,17 ha, nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020, 2021. Cụ thể:

Tăng khác 0,13 ha nguyên nhân do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý vị trí, diện tích khoanh của đất nhà văn hóa xóm 4, xã Giao Thiện, nhìn nhận ra trong quá trình thực hiện chỉnh lý biến động đầu giá đất cho nhân dân làm nhà ở trong năm thống kê đất đai 2022;

Tăng khác 0,04 ha nguyên nhân do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý khoanh đất sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của hộ ông Vũ Văn Đạt, chỉnh lý cả phần đất lúa của hộ gia đình cá nhân vào phần đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn Nam Giang, nhìn nhận ra trong quá trình thực hiện chỉnh lý biến chuyển mục đích sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở trong năm thống kê đất đai 2022).

b) Đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 31/12/2022 là 6.811,60 ha giảm 10,33 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 1,56 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,19 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất an ninh 1,50 ha (Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất xây dựng trụ sở làm việc của công an huyện Nam Trực tại thị trấn Nam Giang);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,74 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng (đợt 2), cụm CN Đồng Côi (đợt 1), mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh (đợt 1), Công ty CP bê tông Nghĩa Hưng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng ...);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 2,44 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định; tuyến đường kết nối từ QL38B đến đường trục xã Yên Dương; xây dựng cầu Bến Mới; xây dựng cầu Đồng Cao, cải tạo nâng cấp các công trình thiết, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh; cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Kênh thoát nước Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng...; là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đầu



giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 3,90 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B, mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân ... và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

c) Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 31/12/2022 là 8.425,68 ha, giảm 35,04 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể:

- Biến động giảm 48,99 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 43,41 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 4,54 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,75 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định, cải tạo nâng cấp các công trình thiết, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh ...; là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đầu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,29 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 13,95 ha. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa 0,01 ha. Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất để xử lý phương án theo hướng dẫn 1456;

+ Đất nuôi trồng thủy sản 13,94 ha. Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Đất rừng phòng hộ: Đến ngày 31/12/2022 là 1.977,64 ha, giảm 0,77 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể:

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,77 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Kênh thoát nước Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng).

đ) Đất rừng đặc dụng: Đến ngày 31/12/2022 là 1.080,88 ha . Không biến động so với thống kê năm 2021.

e) Đất nuôi trồng thủy sản: Đến ngày 31/12/2022 là 16.913,89 ha, giảm 346,25 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể:

- Biến động giảm 346,30 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 13,94 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 21,27 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 2,49 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 47,36 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng (đợt 2), cụm CN Đồng Côi (đợt 1), mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh (đợt 1), Công ty CP bê tông Nghĩa Hưng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng...);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 12,15 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định, cải tạo nâng cấp các công trình thiết, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh; cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Kênh thoát nước Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng...; là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 249,09 ha ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B, mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân, Công ty CP bê tông Nghĩa Hưng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng ...và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn.

Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 0,05 ha. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Tăng khác 0,05 ha, nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT, thể hiện đúng với biến động hợp pháp trong kỳ thống kê 2022 và hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020, 2021 tại xã Xuân Hồng và xã Xuân Ninh, nhìn nhận ra trong quá trình thực hiện chỉnh lý biến chuyển mục đích sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở trong năm thống kê đất đai 2022.

f) Đất làm muối: Đến ngày 31/12/2022 là 651,23 ha, giảm 9,82 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,24 ha (Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất để mở rộng trường tiểu học xã Hải Chính);

+ Đất có mục đích công cộng 0,64 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thải tập trung liên xã tại thị trấn Quất Lâm);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 8,94 ha (Do GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng khu đô thị thương mại Cồn – Văn Lý tại thị trấn Cồn, xã Hải Lý nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

g) Đất nông nghiệp khác: Đến ngày 31/12/2022 là 925,05 ha, giảm 0,40 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,04 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Kênh thoát nước Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,36 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B; Do GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng khu đô thị thương mại Cồn – Văn Lý tại thị trấn Cồn, xã Hải Lý. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

#### 2.1.2.2. Biến động về đất phi nông nghiệp:

Đất phi nông nghiệp đến ngày 31/12/2022 là 52.495,99 ha tăng 172,43 ha so với thống kê năm 2021. Cụ thể:

a) Đất ở tại nông thôn: Đến ngày 31/12/2022 là 9.946,29 ha, tăng 72,43 ha so với số liệu thống kê năm 2021.

- Biến động giảm 0,90 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,30 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam

Định, cải tạo nâng cấp các công trình thiết, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh ...; là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,60 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B; Do GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng khu đô thị thương mại Côn – Văn Lý tại thị trấn Côn, xã Hải Lý. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 73,33 ha, nguyên nhân do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 3,60 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,56 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 43,41 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 21,27 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,32 ha;
- + Chuyển từ đất có mục đích công cộng 0,09 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,31 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,25 ha;
- + Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 2,52 ha.

b) Đất ở tại đô thị: Đến ngày 31/12/2022 là 1.654,61 ha, tăng 11,82 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể:

- Biến động giảm 0,17 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,17 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định; là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

- Biến động tăng 11,99 ha, nguyên nhân do thực hiện xây dựng các khu đô thị mới; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 0,22 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,19 ha.
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 4,54 ha.
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 2,49 ha.

+ Chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 3,00 ha.

+ Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 1,55 ha.

c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến ngày 31/12/2022 là 204,00 ha. Không biến động so với thống kê năm 2021.

d) Đất quốc phòng: Đến ngày 31/12/2022 là 148,33 ha. Không biến động so với thống kê năm 2021.

đ) Đất an ninh: Đến ngày 31/12/2022 là 45,52 ha, tăng 2,00 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Nguyên nhân do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất xây dựng trụ sở làm việc của công an huyện Nam Trực tại thị trấn Nam Giang.

+ Chuyển từ đất trồng lúa 0,44 ha.

+ Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,50 ha.

+ Chuyển từ đất có mục đích công cộng 0,06 ha.

e) Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Đến ngày 31/12/2022 là 1.001,32 ha, giảm 2,24 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể:

- Biến động giảm 3,66 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,32 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 3,00 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,11 ha (Là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,16 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án);

+ Giảm khác 0,07 ha (Nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020, 2021. Do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý vị trí, diện tích khoanh của đất nhà văn hóa xóm 4, xã Giao Thiện, nhìn nhận ra trong quá trình thực hiện chỉnh lý biến động đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở trong năm thống kê đất đai 2022);

- Biến động tăng 1,42 ha, do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất để mở rộng trường tiểu học thị trấn Lâm, trường mầm non xã Yên Phong; mở rộng nâng cấp sân khu giáo dục thể chất và hạng mục phụ trợ trường THCS xã Nam Tiến, và mở rộng trường tiểu học xã Hải Chính. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 1,03 ha;
- + Chuyển từ đất làm muối 0,24 ha;
- + Chuyển từ đất có mục đích công cộng 0,15 ha;

f) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Đến ngày 31/12/2022 là 3.853,09 ha, tăng 143,71 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể:

- Biến động giảm 0,32 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,10 ha (Do thực hiện thu hồi đất, GPMB; cải tạo nâng cấp các công trình thiết, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,18 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự đầu tư xây dựng khu đô thị thương mại Cồn – Văn Lý tại thị trấn Cồn, xã Hải Lý, thực hiện dự án Đường dây và TBA 110kv Đông Bình. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

+ Giảm khác 0,04 ha (Nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020, 2021. Do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý khoanh đất sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của hộ ông Vũ Văn Đạt, chỉnh lý cả phần đất lúa của hộ gia đình cá nhân vào phần đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại thị trấn Nam Giang, nhìn nhận ra trong quá trình thực hiện chỉnh lý biến chuyển mục đích sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở trong năm thống kê đất đai 2022).

- Biến động tăng 144,03 ha. Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng (đợt 2), cụm CN Đồng Côi (đợt 1), mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh (đợt 1), Công ty CP bê tông Nghĩa Hưng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng... Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 46,96 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,74 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 47,36 ha;
- + Chuyển từ đất có mục đích công cộng 11,78 ha;
- + Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 37,19 ha.

g) Đất có mục đích công cộng: Đến ngày 31/12/2022 là 26.226,14 ha, giảm 52,22 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể:

- Biến động giảm 101,27 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,09 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất an ninh 0,06 ha (Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất xây dựng trụ sở làm việc của công an huyện Nam Trực tại thị trấn Nam Giang);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,15 ha (Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất để mở rộng trường tiểu học thị trấn Lâm, trường mầm non xã Yên Phong; mở rộng nâng cấp sân khu giáo dục thể chất và hạng mục phụ trợ trường THCS xã Nam Tiến, huyện Nam Trực);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 11,78 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng (đợt 2), cụm CN Đồng Côi (đợt 1), mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh (đợt 1), Công ty CP bê tông Nghĩa Hưng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng...)

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 89,13 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B, mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân, Công ty CP bê tông Nghĩa Hưng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng ... và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

+ Giảm khác 0,06 ha (Nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020, 2021. Do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý vị trí, diện tích khoanh của đất nhà văn hóa xóm 4, xã Giao Thiện, nhìn nhận ra trong quá trình thực hiện chỉnh lý biến động đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở trong năm thống kê đất đai 2022);

- Biến động tăng 49,05 ha. Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định; tuyến đường kết nối từ QL38B đến đường trục xã Yên Dương; xây dựng cầu Bến Mới; xây dựng cầu Đổng Cao, cải tạo nâng cấp các công trình thiết, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh; đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thải tập trung liên xã tại thị trấn Quất Lâm; cho

Công ty cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Rạng Đông thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Kênh thoát nước Khu công nghiệp dệt may Rạng Đông tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng... và là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 26,96 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,44 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,75 ha;
- + Chuyển từ đất rừng phòng hộ 0,77 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 12,15 ha;
- + Chuyển từ đất làm muối 0,64 ha;
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác 0,04 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại nông thôn 0,30 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại đô thị 0,17 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,11 ha;
- + Chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,10 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,14 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,20 ha;
- + Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 4,28 ha.

h) Đất cơ sở tôn giáo: Đến ngày 31/12/2022 là 668,73 ha. Không biến động so với thống kê năm 2021.

i) Đất cơ sở tín ngưỡng: Đến ngày 31/12/2022 là 282,31 ha. Không biến động so với thống kê năm 2021.

j) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: Đến ngày 31/12/2022 là 2.028,50 ha, giảm 0,49 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,49 ha (Do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình; tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B, mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân ... và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

k) Đất sông ngòi, kênh rạch: Đến ngày 31/12/2022 là 5.348,14 ha. Không biến động so với thống kê năm 2021.

m) Đất có mặt nước chuyên dùng: Đến ngày 31/12/2022 là 982,07 ha, giảm 1,39 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:



+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,31 ha (Do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,14 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng các tuyến đường đoạn qua tỉnh Nam Định và là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,94 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng các tuyến đường đoạn qua tỉnh Nam Định, mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân ... và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

1) Đất phi nông nghiệp khác: Đến ngày 31/12/2022 là 104,94 ha, giảm 1,19 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,25 ha (Do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,20 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng các tuyến đường đoạn qua tỉnh Nam Định và là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,74 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng các tuyến đường đoạn qua tỉnh Nam Định, mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân ... và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn. Các dự án đã thực hiện GPMB, thu hồi đất nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

### 2.1.2.3. Biến động đất chưa sử dụng:

Đất chưa sử dụng đến ngày 31/12/2022 là 3.759,02 ha tăng 394,08 ha so với thống kê năm 2021. Cụ thể:

a) Đất bằng chưa sử dụng: Đến ngày 31/12/2022 là 3.709,52 ha, tăng 394,08 ha so với số liệu thống kê năm 2021. Cụ thể:

- Biến động giảm 45,54 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,52 ha (Do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,55 ha (Do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 37.19 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng (đợt 2), cụm CN Đồng Côi (đợt 1), mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh (đợt 1)...);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 4,28 ha (Do thực hiện GPMB, thu hồi đất đầu tư xây dựng các tuyến đường đoạn qua tỉnh Nam Định và là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội).

- Biến động tăng 439,62 ha. Nguyên nhân do GPMB, thu hồi xây dựng dự án xây dựng đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B, xây dựng đường 63m chạy qua các xã Hồng Quang, Nam Cường và xã Nam Toàn; mở rộng khu công nghiệp Bảo Minh, xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Hải Vân, Công ty CP bê tông Nghĩa Hưng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn Xuân Thiện Nam Định tại khu vực Bãi bồi huyện Nghĩa Hưng ... và khu dân cư tập trung, khu đô thị tại các xã, phường thị trấn. Các dự án đã thực hiện thu hồi đất, GPMB nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 84,80 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 3,90 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,29 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 249,09 ha;
- + Chuyển từ đất làm muối 8,94 ha;
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác 0,36 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại nông thôn 0,60 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,16 ha;
- + Chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,18 ha;
- + Chuyển từ đất có mục đích công cộng 89,13 ha;
- + Chuyển từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT 0,49 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,94 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,74 ha.

b) Đất đồi núi chưa sử dụng: Đến ngày 31/12/2022 là 43,86 ha. Không biến động so với thống kê năm 2021.

c) Đất núi đá không có rừng cây: Đến ngày 31/12/2022 là 5,64 ha, Không biến động so với thống kê năm 2021.

2.1.3. Đánh giá chung về tình hình biến động sử dụng đất so với thống kê đất đai năm 2021.

Trong giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/12/2022 trên địa bàn tỉnh việc biến động diện tích các loại đất là do thực hiện đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất và giao đất để phát triển kinh tế xã hội. Diện tích biến động đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Việc quản lý sử dụng đất đã được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về đất đai đã đạt những thành tựu quan trọng góp phần không nhỏ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội; đất đai được khai thác sử dụng hợp lý, hiệu quả và đi vào nề nếp theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy định quản lý đất đai của Nhà nước.

2.2. Biến động so với kỳ kiểm kê đất đai năm 2019.

2.2.1. Biến động diện tích tự nhiên.

Tính đến ngày 31/12/2022 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 166.882,58 ha. Không biến động so với kiểm kê đất đai năm 2019. Cụ thể như sau:

2.2.2. Biến động diện tích theo loại đất.

2.2.2.1. Biến động về đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp đến ngày 31/12/2022 là 110.627,57 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 111.820,38 ha giảm 1.182,21 ha. Cụ thể:

a) Đất trồng lúa: Đến ngày 31/12/2022 là 73.841,60 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 74.483,67 ha giảm 642,07 ha.

b) Đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 31/12/2022 là 6.811,60 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 6.860,58 ha giảm 48,98 ha.

c) Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 31/12/2022 là 8.425,68 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 8.489,18 ha giảm 63,50 ha.

d) Đất rừng phòng hộ: Đến ngày 31/12/2022 là 1.977,64 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 1.981,93 ha giảm 4,29 ha.

đ) Đất rừng đặc dụng: Đến ngày 31/12/2022 là 1.080,88 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 1.080,88 ha, không biến động.

e) Đất nuôi trồng thủy sản: Đến ngày 31/12/2022 là 16.913,89 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 17.329,95 ha giảm 416,06 ha.

f) Đất làm muối: Đến ngày 31/12/2022 là 651,23 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 663,26 ha giảm 12,03 ha.

g) Đất nông nghiệp khác: Đến ngày 31/12/2022 là 925,05 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 930,93 ha giảm 5,88 ha.

### 2.2.2.2. Biến động về đất phi nông nghiệp:

Đất phi nông nghiệp đến ngày 31/12/2022 là 52.485,40 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 51.848,00 ha tăng 637,40 ha. Cụ thể:

a) Đất ở tại nông thôn: Đến ngày 31/12/2022 là 9.946,29 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 9.798,22 ha tăng 148,07 ha.

b) Đất ở tại đô thị: Đến ngày 31/12/2022 là 1.654,61 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 1.624,93 ha tăng 29,68 ha.

c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến ngày 31/12/2022 là 204,00 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 201,21 ha tăng 2,79 ha.

d) Đất quốc phòng: Đến ngày 31/12/2022 là 148,33 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 127,31 ha tăng 21,02 ha.

đ) Đất an ninh: Đến ngày 31/12/2022 là 47,52 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 41,90 ha tăng 5,62 ha.

e) Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Đến ngày 31/12/2022 là 1.001,32 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 999,07 ha tăng 2,25 ha.

f) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Đến ngày 31/12/2022 là 3.853,09 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 3.390,29 ha tăng 462,80 ha.

g) Đất có mục đích công cộng: Đến ngày 31/12/2022 là 26.226,14 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 26.235,55 ha giảm 9,41 ha.

h) Đất cơ sở tôn giáo: Đến ngày 31/12/2022 là 668,73 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 668,58 ha tăng 0,15 ha.

i) Đất cơ sở tín ngưỡng: Đến ngày 31/12/2022 là 282,31 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 282,32 ha giảm 0,01 ha.

j) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: Đến ngày 31/12/2022 là 2.028,50 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 2.029,53 ha giảm 1,03 ha.

k) Đất sông ngòi, kênh rạch: Đến ngày 31/12/2022 là 5.348,14 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 5.348,17 ha giảm 0,03 ha.

m) Đất có mặt nước chuyên dùng: Đến ngày 31/12/2022 là 982,07 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 993,90 ha giảm 11,83 ha.

l) Đất phi nông nghiệp khác: Đến ngày 31/12/2022 là 104,94 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 107,02 ha giảm 2,08 ha.

### 2.2.2.3. Biến động đất chưa sử dụng:

Đất chưa sử dụng đến ngày 31/12/2022 là 3.759,02 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 3.214,20 ha tăng 544,82 ha. Cụ thể:

a) Đất bằng chưa sử dụng: Đến ngày 31/12/2022 là 3.709,52 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 3.164,70 ha tăng 544,82 ha.

b) Đất đồi núi chưa sử dụng: Đến ngày 31/12/2022 là 43,86 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 43,86 ha, không biến động.

c) Đất núi đá không có rừng cây: Đến ngày 31/12/2022 là 5,64 ha, so với kiểm kê đất đai năm 2019 là 5,64 ha, không biến động.

2.2.2.4. Đánh giá chung về tình hình biến động mục đích sử dụng so với kiểm kê đất đai năm 2019.

- Diện tích đất nông nghiệp giảm so với kỳ kiểm kê năm 2019 nguyên nhân do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, Quyết định cho thuê và giao đất để phát triển kinh tế xã hội, xây dựng các khu dân cư tập trung, khu đô thị, ...;

+ Mở rộng hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng trong quá trình thực hiện dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chủ trương phát triển xây dựng nông thôn mới;

+ Thu hồi đất, GPMB thực hiện đầu tư xây dựng các cơ sở thương mại, dịch vụ; sản xuất, kinh doanh; xây dựng mới, nâng cấp mở rộng hạ tầng các khu, cụm công nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội cho người dân và địa phương.

+ Thực hiện đề án chuyển đổi cơ cấu từ đất lúa kém hiệu quả sang các loại đất khác hiệu quả hơn và phát triển kinh tế trang trại, gia trại;

- Diện tích đất phi nông nghiệp tăng so với kỳ kiểm kê năm 2019 nguyên nhân là do chuyển từ đất nông nghiệp sang.

- Diện tích đất bằng chưa sử dụng tăng so với kỳ kiểm kê năm 2019. Nguyên nhân do thu hồi, GPMB thực hiện đầu tư xây dựng của các dự án trên địa bàn tỉnh Nam Định nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án.

- Diện tích biến động đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng.

### **3. Tình hình biến động, tranh chấp và giải quyết tranh chấp theo đơn vị hành chính.**

Tình hình tranh chấp địa giới hành chính không có, địa giới hành chính đã được phân định rõ ràng, hồ sơ địa giới hành chính được lập đầy đủ, đúng quy định qua các thời kỳ. Hầu hết các vị trí còn tồn tại đã được đã được kịp thời giải quyết, điều chỉnh thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo Quyết định 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Chính phủ về việc hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính.

### **4. Tình hình giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện:**

Qua công tác thống kê đất đai năm 2022 cho thấy việc quản lý, sử dụng đất đai của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có sự chuyển biến tốt so với trước đây. Các đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao đất, cho thuê đất, nhất là tổ chức kinh tế và cơ quan Nhà nước đã có ý thức sử dụng đất đúng mục đích và có hiệu quả, đóng góp tích cực trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tính đến 31/12/2022, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện.

### **5. Hiện trạng đất đô thị: (Chi tiết như Biểu 11/TKĐĐ).**

Tỉnh Nam Định có 01 thành phố Nam Định với 22 phường và 09 huyện với 16 thị trấn phân bố tương đối đều khắp trên địa bàn tỉnh. Các đô thị này hiện tại là các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật của từng huyện và là nền tảng cơ sở để hình thành các đô thị có quy mô lớn và hiện đại trong tương lai. Diện tích đất đô thị là 13.496,16 ha chiếm 8,09% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh, trong đó:

- Đất nông nghiệp là 6.854,31 ha, chiếm 50,79% tổng diện tích đất đô thị, chủ yếu là diện tích đất trồng cây hàng năm chiếm 65,89% diện tích đất nông nghiệp trong khu đô thị; còn lại là các loại đất nông nghiệp khác.

- Đất phi nông nghiệp trong khu đô thị là 6.496,89 ha, chiếm 48,14% tổng diện tích đất đô thị, diện tích đất ở của các hộ dân với 1.642,79 ha chiếm 25,47% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất chưa sử dụng trong khu đô thị còn 144,96 ha, chiếm 1,07% tổng diện tích đất đô thị.

### **6. Tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kiểm kê đất đai: (Chi tiết như Biểu 15/TKĐĐ).**

Thực hiện các quyết định của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định, là cơ sở xác định về thời gian thực hiện sự phân bổ cụ thể về số lượng, chất lượng, vị trí, không gian sử dụng đất theo quy hoạch; là cơ sở pháp lý trong quản lý đất đai, đặc biệt là trong công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án. Việc thực hiện tốt kế hoạch giúp quỹ đất được sử dụng một cách tiết kiệm, hiệu quả góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Kết quả thống kê đất đai năm 2022 so sánh với hoạch sử dụng đất năm 2022 đã được phê duyệt như sau:

#### **6.1. Diện tích chuyển đi**

Diện tích chuyển đi của các loại đất thực hiện trong năm thống kê là 735,39 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 5.388,10 ha đạt 13,65%, cụ thể:

- Đất nông nghiệp: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 580,63 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất 4.889,23 ha đạt 11,88%. Trong đó:

- + Đất sản xuất nông nghiệp: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 223,34 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 3.076,89 ha đạt 7,26% (Đất trồng lúa 164,02 ha đạt 5,99%; đất trồng cây hàng năm khác 10,33 ha đạt 4,96%; đất trồng cây lâu năm 48,99 ha đạt 37,51% so với kế hoạch sử dụng đất).

- + Đất lâm nghiệp: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,77 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 3,87 ha đạt 19,90% (Đất rừng phòng hộ 0,77 ha đạt 19,90% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 346,30 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 1.781,88 ha đạt 19,43%.

+ Đất làm muối: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 9,82 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 17,41 ha đạt 56,40%.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,40 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 9,18 ha đạt 4,36%

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 109,22 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 403,01 ha đạt 27,01%. Trong đó:

+ Đất ở: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 1,07 ha so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 37,27 ha đạt 2,87% (Đất ở tại nông thôn 0,90 ha, đạt 2,91%; đất ở tại đô thị 0,17 ha, đạt 2,68% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất chuyên dùng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 105,08 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 297,15 ha đạt 35,36% (Đất xây dựng trụ sở cơ quan đạt 0,00%; Đất quốc phòng đạt 0,00%; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 3,59 ha, đạt 48,84%; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,28 ha, đạt 0,59%; Đất có mục đích công cộng 101,21 ha, đạt 42,71% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,00 ha so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 0,09 ha đạt 0,00% .

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,00 ha so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 0,11 ha đạt 0,00%

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,49 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 5,63 ha đạt 8,70%.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,00 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 1,96 ha đạt 0,00%.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 1,39 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 53,31 ha đạt 2,61%.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 1,19 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 7,48 ha đạt 15,91%.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 45,54 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 95,86 ha đạt 47,51%. Trong đó:

+ Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 45,54 ha, với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 95,79 ha đạt 47,54%.

+ Núi đá không có rừng cây: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 0,00 ha, với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 0,07 ha đạt 0,00%.

## 6.2. Diện tích chuyển đến

Diện tích chuyển đến của các loại đất thực hiện trong năm thống kê là 735,39 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất là 5.388,10 ha đạt 13,65%, cụ thể:

- Đất nông nghiệp: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 13,95 ha, so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 1.589,43 ha đạt 0,88%. Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 13,95 ha, so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 21,00 ha đạt 66,43%. (Đất trồng cây hàng năm khác 0,00%, đất trồng cây lâu năm 13,95 ha phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất là 2,75 ha).

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 1.279,16 ha đạt 0,00%.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 289,27 ha đạt 0,00%.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 281,82 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 3.798,67 ha đạt 7,42%. Trong đó:

+ Đất ở: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 85,32 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 927,08 ha đạt 9,20% (Đất ở tại nông thôn 73,33 ha, đạt 9,94%; đất ở tại đô thị 11,99 ha, đạt 6,34% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất chuyên dùng: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 196,50 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 2.752,99 ha đạt 7,74%. (Đất xây dựng trụ sở cơ quan đạt 0,00%; Đất quốc phòng đạt 0,00%; Đất an ninh 2,00 đạt 15,77%; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 1,42 ha, đạt 1,98%; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 144,03 ha, đạt 8,89%; Đất có mục đích công cộng 49,05 ha, đạt 4,78% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 3,77 ha đạt 0,00%.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 18,85 ha đạt 0,00%.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 61,00 ha đạt 0,00%.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 34,98 ha đạt 0,00%.

- Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 439,62 ha phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất là 439,62 ha.



+ Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 439,62 ha phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất là 439,62 ha.

### 6.3. Nhận xét

#### 6.3.1. Ưu điểm:

Việc lập, trình phê duyệt, công khai và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và sự chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên; các chỉ tiêu sử dụng đất được thực hiện đảm bảo theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt; không để xảy ra tình trạng sử dụng đất tùy tiện, không có kế hoạch.

Thông qua việc xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã đảm bảo cho việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật; đáp ứng nhu cầu về đất đai phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

Công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng thực hiện các công trình dự án trên địa bàn xã thực hiện theo quy định của pháp luật, được sự đồng thuận cao của nhân dân; trình tự thủ tục thu hồi đất, quyền lợi của người có đất thu hồi được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Trong kỳ thống kê, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện các khu đô thị, khu dân cư tập trung góp phần ổn định đời sống cho người dân, phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Ngoài ra, nhiều công trình trọng điểm phục vụ chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới đang được xây dựng, hoàn thiện và đưa vào sử dụng như: Trụ sở UBND cấp xã, nhà văn hóa, trạm y tế, trường học, nghĩa địa, khu xử lý rác, mở rộng nâng cấp các đường giao thông nội đồng, kênh mương phục vụ tưới tiêu...

#### 6.3.2. Hạn chế:

- Việc tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở một số địa phương còn hạn chế, thiếu chủ động đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế xã hội.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt ở các cấp chưa được thường xuyên.

- Một số hạng mục công trình đã có trong kế hoạch sử dụng đất nhưng chủ đầu tư chưa lập xong dự án và hồ sơ đất đai dẫn đến phải lùi tiến độ thực hiện ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch đã đề ra.

- Công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng ở một số địa phương gặp nhiều khó khăn làm chậm tiến độ xây dựng công trình đã được quy hoạch.

## 7. Đánh giá chung hiện trạng sử dụng đất

Trong năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã quan tâm chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết 17, Kết luận số 43 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh với sự lãnh đạo quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp của cấp Ủy, cấp chính quyền,

công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét, kịp thời. Nhìn chung, các văn bản quy phạm đã ban hành kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế, góp phần quan trọng đưa Luật Đất đai đi vào cuộc sống, tạo ra hành lang pháp lý cho việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc sử dụng đất trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các vi phạm xảy ra trong công tác quản lý sử dụng đất. Những thành tựu mà tỉnh đã đạt được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội có phần đóng góp không nhỏ của việc khai thác sử dụng đất hợp lý, hiệu quả. Tuy nhiên còn tồn tại:

- Trong cơ cấu đất nông nghiệp thì diện tích đất trồng lúa nước chiếm tỷ lệ cao. Song quá trình canh tác phần lớn người nông dân chưa áp dụng những biện pháp cải tạo đất mà chỉ quan tâm đến lợi nhuận, việc hình thành các mô hình phát triển vùng chuyên canh, các cánh đồng mẫu lớn... chưa thực sự phát triển mạnh.

- Đất ở và đất dành cho phát triển hạ tầng tuy đã phần nào đáp ứng được nhu cầu sử dụng thời điểm hiện tại. Trong thời gian tới cùng với sự gia tăng dân số, việc phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần được nâng cấp, cải tạo, kiên cố hóa một số hạng mục công trình.

## **IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Công tác thống kê đất đai năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định đã hoàn thành đảm bảo chất lượng, đã xác định rõ hiện trạng diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính, quỹ đất đang sử dụng và quản lý, quỹ đất đã có quyết định nhưng chưa thực hiện, quỹ đất chưa sử dụng; đánh giá đúng thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất, phân tích rõ tình hình biến động đất đai năm qua, tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt; tình hình thực hiện đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính.

Tuy nhiên, vẫn còn một số những tồn tại, vướng mắc như:

- Phần mềm TK Desktop, TK Online vẫn chưa thực sự hoàn thiện và đáp ứng đầy đủ cho công tác tổng hợp số liệu thống kê đất đai. Việc cập nhật, sửa lỗi còn chậm, chưa kịp thời dẫn đến ảnh hưởng tiến độ thực hiện thống kê đất đai.

- Trang thiết bị phục vụ công tác quản lý đất đai còn hạn chế dẫn đến việc thu thập, chuẩn bị tài liệu cho công tác thống kê chậm, số liệu phải chỉnh sửa nhiều lần.

- Cơ sở hạ tầng cho công tác lưu trữ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định.

- Công tác cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính chưa được các cấp quan tâm nên hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính vừa mới được đo đạc đã nhanh chóng bị lạc hậu do sự đô thị hoá, công nghiệp hoá nhanh.

## **2. Kiến nghị**

- Hỗ trợ kinh phí cho địa phương để triển khai đo đạc lại 68 xã, thị trấn còn sử dụng bản đồ đo đạc thủ công từ trước năm 1980 chỉnh lý năm 1981-1983 và đo đạc năm 1983 chỉnh lý năm 1987. Đảm bảo trên địa bàn toàn tỉnh sử dụng bản đồ địa chính đo đạc chính quy trong quản lý đất đai, công tác cập nhật hồ sơ địa chính gắn liền với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính theo bản đồ mới đo đạc, tránh tình trạng bị lạc hậu.

- Hỗ trợ tỉnh Nam Định tiếp cận với các nguồn vốn hợp pháp khác để tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ sở dữ liệu đất đai đã và đang vận hành đảm bảo việc khai thác có hiệu quả và cập nhật chỉnh lý thường xuyên.

- Tiếp tục đầu tư kinh phí cho việc đầu tư mua sắm trang thiết bị, trụ sở làm việc cho ngành Tài nguyên và Môi trường để đáp ứng ngày càng tốt hơn việc quản lý Nhà nước về đất đai nói riêng và tài nguyên môi trường nói chung trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội Vụ, Sở Nông nghiệp & PTNT, Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Anh Dũng**